

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TKD23B1
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	Giáo dục Chính trị(2)	Kinh tế học vi mô(2)	Pháp luật chuyên ngành kế toán(2)	Soạn thảo văn bản(2)	Lý thuyết tài chính tiền tệ(3)	Marketing(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2353403023725	Đỗ Phát Đạt	28/02/2008	6.1	6.3	7.8	6.4	5.7	6.9	8.3	5.8	7.3	6.7	Trung bình
02	2353403023726	Lê Thành Đạt	26/11/2008	7.0	6.7	7.2	5.2	6.1	7.4	8.3	7.5	7.1	7.0	Khá
03	2353403023727	Nguyễn Thị Giàu	11/10/2008	8.7	8.3	7.4	4.6	7.0	8.1	7.1	8.8	7.3	7.3	Khá
04	2353403023728	Phạm Ngọc Hà	07/02/2008	9.2	8.5	8.2	8.7	7.7	8.1	8.3	8.8	7.3	8.2	Giỏi
05	2353403023729	Huỳnh Nguyễn Nhựt Hào	27/12/2008	7.9	8.1	7.5	7.4	7.6	6.8	7.1	7.0	7.0	7.2	Khá
06	2353403023730	Nguyễn Chí Hào	23/05/2008	0.0	2.1	3.1	3.0	1.2	2.7	2.0	3.1	3.1	2.6	Yếu
07	2353403023731	Nguyễn Lê Gia Hân	15/06/2008	8.0	5.2	8.1	5.9	7.2	7.3	7.6	8.3	6.9	7.3	Khá
08	2353403023732	Nguyễn Ngọc Hoa	04/11/2008	9.1	9.0	7.6	7.0	6.2	7.7	7.9	8.3	7.5	7.5	Khá
09	2353403023733	Nguyễn Phi Hùng	30/03/2007	8.0	6.6	6.1	5.4	7.0	2.7	7.9	5.9	3.3	5.5	Trung bình
10	2353403023734	Lâm Hy	23/08/2008	8.3	5.6	8.3	7.8	7.1	4.4	7.0	5.1	6.8	6.4	Trung bình
11	2353403023735	Lê Tuấn Khang	08/10/2008	6.7	9.1	5.1	5.3	4.1	4.7	6.1	5.7	7.0	5.5	Trung bình
12	2353403023736	Lê Thanh Khoa	14/06/2007	8.0	5.9	7.8	6.2	6.9	6.1	7.4	5.8	7.2	6.6	Trung bình
13	2353403023737	Trần Bửu Kim	19/09/2008	6.8	5.4	7.4	5.3	7.8	7.5	8.3	7.9	6.8	7.3	Khá
14	2353403023738	Trịnh Hoàng Kim	14/04/2008	8.2	6.5	7.2	8.5	6.7	8.2	7.5	7.8	6.7	7.6	Khá
15	2353403023739	Trần Thị Ngọc Lan	07/09/2008	2.6	2.5	2.9	2.5	2.9	2.6	2.9	2.5	3.3	2.8	Yếu
16	2353403023740	Nguyễn Văn Lợi	15/06/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
17	2353403023741	Phạm Trần Ngọc Mai	26/08/2008	8.2	8.2	7.2	6.3	7.0	7.3	8.1	8.3	7.2	7.4	Khá
18	2353403023742	Lê Hoàng Tiểu My	13/11/2008	9.2	6.0	8.3	7.3	7.5	6.5	8.0	7.5	7.2	7.4	Khá
19	2353403023743	Nguyễn Kim Ngân	18/12/2008	0.0	0.0	2.7	2.7	0.9	2.3	1.5	2.9	0.0	1.9	Yếu
20	2353403023744	Phan Thị Kim Ngân	28/01/2008	8.6	7.1	8.7	7.5	6.2	6.5	7.6	8.5	7.8	7.5	Khá

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2) Giáo dục thể chất(1) Pháp luật(1) Giáo dục Chính trị(2) Kinh tế học vi mô(2) Pháp luật chuyên ngành kế toán(2) Soạn thảo văn bản(2) Lý thuyết tài chính tiền tệ(3) Marketing(2) Điểm TB										Xếp loại
21	2353403023745	Nguyễn Thị Yên	Nhi	05/09/2008	7.9	8.6	7.2	5.9	6.8	7.5	8.3	7.2	7.4	7.2	Khá
22	2353403023746	Nguyễn Võ Tuyết	Nhi	28/07/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
23	2353403023747	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhu	15/06/2008	7.4	5.2	7.0	7.1	6.6	7.5	8.2	5.2	7.0	6.8	Trung bình
24	2353403023748	Nguyễn Huỳnh Hồng	Nhung	02/02/2007	7.4	6.4	7.3	5.9	6.0	5.7	8.3	5.9	7.7	6.6	Trung bình
25	2353403023749	Phạm Lê Thị Thanh	Cả Như	03/11/2008	2.4	2.2	2.8	3.0	3.3	2.5	2.9	2.6	2.8	2.8	Yếu
26	2353403023750	Nguyễn Ngọc Đông	Phương	12/08/2008	9.2	7.2	6.8	8.0	5.3	6.4	7.9	7.7	7.2	7.1	Khá
27	2353403023751	Nguyễn Thanh	Sang	26/01/2008	8.6	8.2	7.1	5.9	6.7	5.8	8.6	6.8	7.2	6.9	Trung bình
28	2353403023752	Nguyễn Huỳnh Hồng	Thắm	02/09/2008	6.2	6.5	6.6	5.5	6.7	6.0	5.9	4.5	7.0	5.9	Trung bình
29	2353403023753	Lê Phước	Thọ	03/12/2008	2.6	2.1	3.1	2.9	3.0	2.7	2.9	2.8	3.0	2.9	Yếu
30	2353403023754	Đoàn Kim	Thoa	08/08/2008	7.1	7.4	8.4	8.0	7.6	2.7	3.0	3.0	3.0	4.7	Yếu
31	2353403023755	Hà Thị Huỳnh	Trang	10/12/2008	2.4	3.4	3.0	2.8	2.9	2.5	3.1	2.9	3.2	2.9	Yếu
32	2353403023756	Huỳnh Hải Huyền	Trang	22/07/2008	7.1	6.1	7.5	7.9	7.4	6.7	7.3	7.0	7.3	7.3	Khá
33	2353403023757	Lê Ngọc	Trâm	27/06/2008	8.6	7.3	8.6	6.1	7.0	6.5	8.7	7.2	7.3	7.2	Khá
34	2353403023758	Lê Nguyễn Thùy	Trâm	22/05/2008	8.4	5.2	8.5	8.4	7.8	7.0	9.0	6.9	7.2	7.7	Khá
35	2353403023759	Phạm Thị Mỹ	Trân	20/09/2008	9.0	6.5	7.3	6.4	7.6	7.2	8.2	6.5	7.1	7.1	Khá

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 02 tháng 02 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái